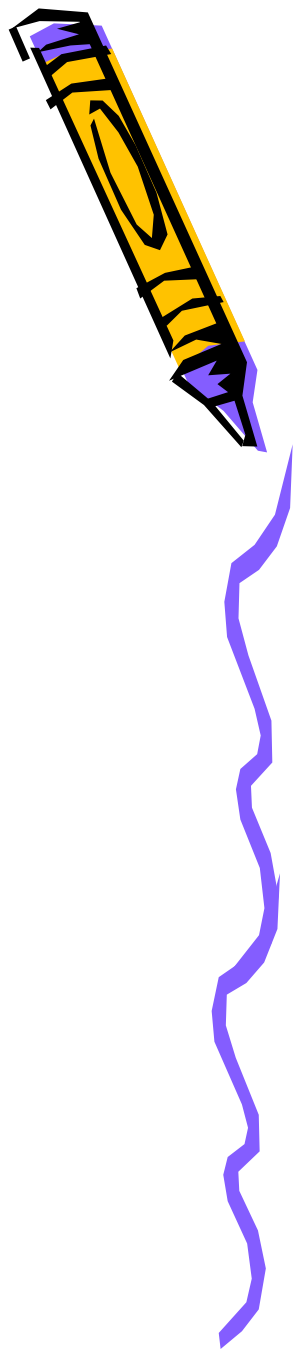


CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ



Nội dung

I. KHÁI NIỆM

II. CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

1. Sở hữu

2. Hợp đồng

3. Thừa kế

Dân sự

- Bình đẳng
- Độc lập
- Tự định đoạt

**QUAN HỆ
XÃ HỘI**

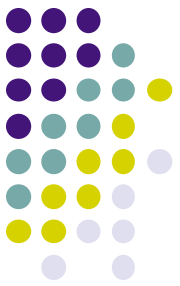
- Tài sản (hàng hóa – tiền tệ)
- Nhân thân

**QUY PHẠM
PHÁP LUẬT**

II. CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

1. Sở hữu
 2. Hợp đồng
 3. Thừa kế
-

1. Quyền sở hữu



Chiếm
hữu

Sử dụng

Định đoạt

1. Hợp pháp

2. Bất hợp pháp (Ngay tình hoặc không ngay tình)



Bộ luật Dân sự 2015

- **Điều 105. Tài sản**
- 1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.
- 2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.



- **Điều 107. Bất động sản và động sản**

1. Bất động sản bao gồm:

a) Đất đai;

b) Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai;

c) Tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng;

d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

- 2. Động sản là những tài sản không phải là bất động sản.

2. Pháp luật về hợp đồng

- **a. Khái niệm**

- Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.

Điều
kiện
của
hợp
đồng

Người tham gia giao dịch có
năng lực hành vi dân sự

Mục đích và nội dung của HĐ
không vi phạm điều cấm của pháp
luật, không trái đạo đức xã hội

Người tham gia hợp đồng hoàn
toàn tự nguyện (không ép buộc)

Theo hình thức nhất định trong
trường hợp pháp luật có quy định

Hợp đồng dân sự vô hiệu

- ▶ Hợp đồng dân sự vô hiệu khi không có một trong các điều kiện nêu trên.
- ▶ Các trường hợp vô hiệu phổ biến:
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do giả tạo
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện.
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa
 - ✧ Hợp đồng dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức



-
- ▶ *Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách **giả tạo** nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện của hợp đồng dân sự.*
-

-
- ▶ **Lừa dối** trong hợp đồng là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của hợp đồng dân sự nên đã xác lập hợp đồng đó.
 - ▶ **Đe dọa** trong hợp đồng là hành vi cố ý của một bên hoặc người thứ ba làm cho bên kia buộc phải thực hiện hợp đồng nhằm tránh thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình.
-



Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

- ▶ - Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.
 - ▶ - Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.
-



III. Pháp luật về thừa kế

1. Khái niệm

Thừa kế là sự dịch chuyển tài sản của người chết sang cho người còn sống theo di chúc hoặc theo pháp luật

2. Di sản thừa kế

Là toàn bộ tài sản của người chết bao gồm tài sản riêng và phần tài sản của họ trong khối tài sản chung với người khác

3. Người để lại di sản

Người để lại di sản thừa kế là người mà sau khi chết **có tài sản** để lại cho người khác theo trình tự thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Người để lại di sản phải là **cá nhân**.

4. Người thừa kế

- Khái niệm: là người (**cá nhân hoặc tổ chức**) được người chết để lại di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

4. Người thừa kế



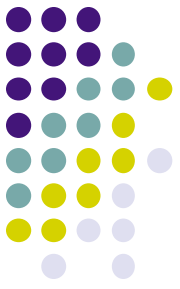
Cá nhân

Phải còn sống

Được sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết

Tổ chức

- Còn tồn tại
- Có di chúc



5. Địa điểm mở thừa kế

- Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản; nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản.

Hãy xác định địa điểm mở thừa kế



Ông A:

- Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đồng Nai.
- Làm việc và cư trú tại Bình Dương.
- Bị bệnh, nằm điều trị và sau đó chết tại thành phố Hồ Chí Minh.



6. Thời điểm mở thừa kế

- Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.
- Trong trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.

Hãy xác định thời điểm mở thừa kế?



- Ông A chết ngày 1/1/2010 trong một tai nạn giao thông.
- Được chôn cất ngày 4/1/2010.
- Gia đình họp mặt chia tài sản ngày 15/1/2010.

7. Từ chối nhận di sản



- **Điều 620. Từ chối nhận di sản**
- 1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.
- 2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.
- 3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.

7. Từ chối nhận di sản



- Ông X chết ngày 20/1/2010.
- Gia đình chia thừa kế ngày 30/1/2010.
- Ngày 25/7 chị Y là con của ông X từ chối nhận di sản mà ông X để lại.

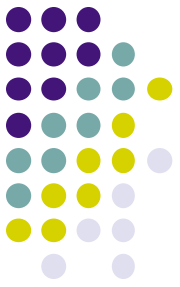
Hỏi việc từ chối nhận của chị Y có được không?

8. Người không được quyền hưởng di sản



- (1) Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó;
- (2) Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản;

8. Người không được quyền hưởng di sản



- (3) Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng;

8. Người không được quyền hưởng di sản



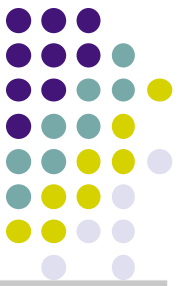
- (4) Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, huỷ di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại DS.

Lưu ý



- Những người không được quyền hưởng di sản **vẫn được hưởng di sản**, nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.

9. Hình thức thừa kế



Di chúc

Pháp luật

Văn bản

Miệng:

- Cái chết đe dọa
- Ít nhất 2 người làm chứng
- Người làm chứng phải ghi chép lại, ký tên hoặc điểm chỉ
- Trong 5 ngày phải công chứng, chứng thực

Hỏi: Di chúc của ông B có hợp pháp không?



- Ngày 1/1/2012, Ông B bị tai nạn giao thông, vẫn còn minh mẫn. Vì lo sợ mình có thể chết, ông đã nhờ hai bác sĩ chứng kiến lời ông nói về việc phân chia tài sản của mình.
- 2 bác sĩ đã ghi chép và công chứng văn bản ngày 3/1/2012.
- Ngày 10/4 ông B chết.
- Sau đó các con ông B đem di chúc ra phân chia di sản.



Lưu ý về di chúc miệng

- Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ (Điều 629).

Người lập di chúc



Người đã
thành niên

Không
mất khả
năng nhận
thức

Chưa thành niên

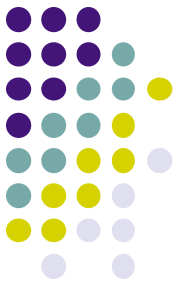
- Từ đủ 15 đến chưa đủ 18
- Cha mẹ hoặc người giám hộ đồng ý

Người hưởng không phụ thuộc vào **di chúc**



- Con chưa thành niên;
- Cha, mẹ;
- Vợ, chồng;
- Con đã thành niên mà không có khả năng lao động.

Người hưởng không phụ thuộc vào **di chúc**



- Số di sản được hưởng:

Được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được chia theo pháp luật.

Người hưởng không phụ thuộc vào di chúc



Trường hợp được hưởng:

- Họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản.
- Hoặc di chúc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó.

b. Thừa kế theo pháp luật

- Người thừa kế theo pháp luật
- a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b. Thừa kế theo pháp luật

- Người thừa kế theo pháp luật
- b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;



b. Thừa kế theo pháp luật

Người thừa kế theo pháp luật

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

- Ông A và bà B là vợ chồng. A có cha là X, mẹ là Y, em ruột là E. B có cha là C, mẹ là D, chị ruột là L. A và B có con là K và T. K có vợ là H, có con là M và N. T có vợ là P, có con là Z. Z có con là V. E có con là U và I.



Hỏi:

- Ai là hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai, thứ ba của A.
- Ai là hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai, thứ ba của T.



(3) CỤ NỘI, CỤ NGOẠI

(2) ÔNG, BÀ NỘI, NGOẠI

(1) CHA, MẸ ĐẼ, NUÔI

VỢ
CHỒNG
NGƯỜI CHẾT (A)

(1) CON (ĐẼ, NUÔI)

(2) CHÁU RUỘT

(3) CHẮT RUỘT

(3) ANH, CHỊ, EM
RUỘT CỦA CHA, MẸ A

(2) ANH, CHỊ, EM
RUỘT **CỦA A**

(3) *CON CỦA ANH,
CHỊ, EM CỦA A
(CHÁU RUỘT A)*

Thừa kế thế vị

- Trong trường hợp **con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm** với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.

BÀI TẬP

- 1-Ông A có vợ là B, có 3 con là X, Y, Z (15 tuổi).
- Ông để lại di chúc cho X (con trưởng) hưởng toàn bộ di sản.
- Tài sản chung của vợ chồng ông A là 240 tỉ đồng.
- Năm 2010, ông A chết. Hỏi, tài sản ông A được chia như thế nào?

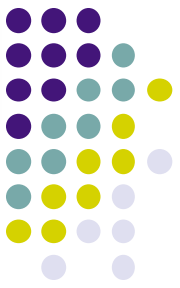
- 2- A kết hôn với B sinh ra X (10 tuổi) và Y(15 tuổi). Năm 2015, A chết. Biết A có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho tổ chức Z và tài sản chung của A và B là 540 triệu. Hỏi những ai được hưởng di sản của A và hưởng bao nhiêu?

- **A.** Chỉ có tổ chức Z được hưởng toàn bộ di sản của A là 270 triệu
- **B.** B, X và Y được hưởng di sản của A và mỗi người hưởng 90 triệu
- **C.** Chỉ có B và tổ chức Z được hưởng di sản của A. B được hưởng 60 triệu, tổ chức Z được hưởng 210 triệu
- **D.** B, X và Y mỗi người được hưởng 60 triệu, tổ chức Z được hưởng 90 triệu

- **3-** Ông An có hai con là Cường và Diệp. Cường kết hôn với Hà sinh ra Yến và Kiên. Năm 2014, ông An và Cường gặp tai nạn khi đi du lịch nên chết cùng thời điểm. Biết tài sản chung của Cường và Hà là 180 triệu. Hỏi, những ai được hưởng di sản thừa kế của Cường và hưởng bao nhiêu?

- 4-Ông N có hai người con là M và H. H có chồng là K và hai con là I và Q. H chết trước, ông N chết sau. H để lại di sản là 400 triệu nhưng không lập di chúc. Vậy di sản của H được phân chia như thế nào?

Hình thức hợp đồng



Nếu không
quy định

Giao kết bằng
lời nói, bằng
văn bản hoặc
bằng hành vi cụ
thể

Nếu có
quy định

Giao kết bằng văn
bản có công chứng
hoặc chứng thực, phải
đăng ký hoặc xin phép

Vi phạm

Cho thời hạn khắc phục
-> hết thời hạn -> vô hiệu



- Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản.

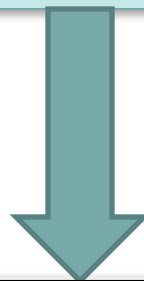
Người có năng lực hành vi dân sự



- Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

Điều 19 BLDS năm 2015

Năng lực hành vi dân sự



Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà không cần phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chiếm hữu hợp pháp

- Là việc chiếm hữu có **căn cứ pháp luật**

Căn
cứ
pháp
luật

Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản

Người được chủ sở hữu uỷ quyền
quản lý tài sản

Người được chuyển giao quyền
chiếm hữu **thông qua giao dịch
dân sự** phù hợp với quy định
của pháp luật

Căn

cứ

pháp

luật

Chiếm hữu tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn giấu, bị chìm đắm phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định

Chiếm hữu gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định

Các trường hợp khác

Chiếm

hữu

bất

hợp

pháp

Ngay tình: Chiếm hữu ngay tình là việc chiếm hữu mà người chiếm hữu có căn cứ để tin rằng mình có quyền đối với tài sản đang chiếm hữu. (Điều 180 BLDS 2015)

Không ngay tình: Chiếm hữu không ngay tình là việc chiếm hữu mà người chiếm hữu biết hoặc phải biết rằng mình không có quyền đối với tài sản đang chiếm hữu. (Điều 181 BLDS 2015)

Người không được quyền làm chứng



- Hỏi: Con dâu và con rể của người để lại di chúc miệng thì không được quyền làm chứng?
-

Người không được quyền làm chứng



- **Điều 632. Người làm chứng cho việc lập di chúc**
- Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:
 - 1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;
 - 2. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc;
 - 3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.